

Số: 44/NQ-ĐHCD

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
của Công ty cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực – VVMI ban hành theo quyết định số 37/QĐ-HĐQT ngày 12 tháng 4 năm 2021.

Căn cứ vào nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực – VVMI, ngày 21 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 (nhiệm kỳ 2020-2025) và phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 (nhiệm kỳ 2025-2030); Báo cáo hoạt động Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025 (nhiệm kỳ 2025-2030); Báo cáo hoạt động Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025 (nhiệm kỳ 2025-2030);

2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, nhiệm kỳ 2025-2030 của Công ty với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

- 2.1 Tổng doanh thu : 335 tỷ đồng
2.2 Lợi nhuận trước thuế tối thiểu đạt : 2,5 tỷ đồng
2.3 Trả cổ tức cổ đông : 12 %/VĐL 12 tỷ đồng
2.4 Tiền lương b/q cho 1 CBCNV : 11.030.000đ/người/tháng
2.5 Đầu tư xây dựng cơ bản : 3,7 tỷ đồng

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2025-2030

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2025	NĂM 2026	NĂM 2027	NĂM 2028	NĂM 2029
I	Tổng doanh thu	Tr.đồng	335 000	335 000	338 000	340 000	343 000
1	Doanh thu sản xuất	Tr.đồng	175 000	170 000	170 000	172 000	173 000
2	Doanh thu kinh doanh	Tr.đồng	160 000	165 000	168 000	168 000	170 000
II	Lao động và tiền lương						
1	Lao động bình quân	Người	117	116	116	116	116
2	Tiền lương bình quân	Tr.đồng/ng/th	11.03	11,14	11,22	11,36	11,40
III	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	2 500	2 500	2 500	2 500	2 500

3. Thông qua báo cáo quyết toán tài chính năm 2024 của công ty đã được Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán. Phương án phân chia lợi nhuận, trích lập các quỹ

3.1 Thông qua báo cáo quyết toán tài chính

Nội dung	Số tiền (đồng)
1. Tài sản ngắn hạn	125 724 483 696
2. Tài sản dài hạn	13 327 029 060
3. Nợ phải trả	122 408 775 319
4. Vốn chủ sở hữu	16 642 737 437
Trong đó + Vốn góp của CSH	12 000 000 000
+ LN sau thuế chưa PP năm 2024	2 007 444 112
+ Vốn khác của CSH	
+ Quỹ đầu tư phát triển	2 635 293 325
5. Doanh thu bán hàng	492 301 423 003
6. Giá vốn hàng bán	458 790 831 836
7. Lợi nhuận gộp	33 510 591 167
8. Doanh thu tài chính	407 998 287
9. Chi phí tài chính	4 074 519 220
10. Chi phí bán hàng	19 071 031 206
11. Chi phí quản lý doanh nghiệp	7 802 541 172
12. Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	2 970 497 856
13. Thu nhập khác	
14. Chi phí khác	29 762 325
15. Lợi nhuận khác	-29 762 325
16. Tổng lợi nhuận trước thuế	2 940 735 531
17. Số thuế phải nộp đến 01/01/2024	185 492 068
18. Số thuế phải nộp phát sinh năm 2024	8 977 213 897
19. Số thuế đã nộp trong năm 2024	9 023 888 244
20. Số thuế còn lại chuyển sang năm 2025	138 817 721

3.2 Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 (Trích lập các quỹ, phân chia lợi nhuận)

Nội dung	Số tiền (đồng)
I. Doanh thu bán hàng 2024	492.301.423.003
1. Doanh thu bán hàng	492.301.423.003
II. Phân phối lợi nhuận năm 2024	
1. Tổng lợi nhuận trước thuế	2.940.735.531
- Các khoản không được trừ khi xác định thuế TNDN	674.068.939
+ Phụ cấp HĐQT, BKS thành viên không tham gia sản xuất	235.680.000
+ CP lãi vay vượt mức khống chế theo NĐ 68	427.658.054
+ Truy thu thuế giá trị gia tăng	10.730.885
2. Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	3.614.804.470
3. Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	933.291.419
+ Thuế TNDN	933.291.419
+ Bù trừ thuế TNDN nộp quá theo NĐ 68	
4. Lợi nhuận sau thuế	2.007.444.112
5. Lợi nhuận phân phối	2.007.444.112
5.1 Trích quỹ đầu tư phát triển	
5.2 Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động	567.444.112
Trong đó:	
- Quỹ khen thưởng người lao động	174.100.845

- Quỹ phúc lợi	261.151.267
- Quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp	132.192.000
5.3 Trả cổ tức (12% năm x 12 000 000 000)	1.440.000.000
+ Cổ tức cổ phần nhà nước	734.400.000
+ Cổ tức cổ phần phổ thông	705.600.000

4. thông qua ủy quyền đề Hội đồng quản trị Công ty đứng ra lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của công ty.

5. Thông qua quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024 và phương án chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025:

a. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát kiêm nhiệm năm 2025 với tổng số tiền là: 371.760.000 đồng trong đó:

- Chi trả thù lao HĐQT: 233.280.000 đồng

- Chi trả thù lao BKS: 138.480.000 đồng

b. Kế hoạch mức chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát kiêm nhiệm năm 2025:

Chức danh	Mức lương áp dụng tính thù lao	Tỷ lệ	Mức thù lao hàng tháng làm tròn số
Chủ tịch HĐQT	21 600 000 đồng	20%	4 320 000 đồng
Thành viên HĐQT	18 900 000 đồng	20%	3 780 000 đồng
Trưởng ban kiểm soát	19 900 000 đồng	20%	3 980 000 đồng
Thành viên BKS	17 100 000 đồng	20%	3 420 000 đồng

* Tạm ứng thù lao: Hàng tháng thành viên HĐQT, BKS được tạm ứng 80% mức thù lao kế hoạch, 20% số thù lao còn lại được giữ lại đơn vị và được quyết toán khi kết thúc năm tài chính gắn với mức độ hoàn thành công việc của mỗi thành viên. Khoản tiền thù lao này được trả cho các thành viên HĐQT, BKS và các Cổ đông có người đại diện làm người quản lý tại Công ty không chuyên trách.

* Quyết toán thù lao: Căn cứ vào tiền thù lao đã trả hàng tháng và quỹ tiền thù lao thực tế được hưởng, để xác định phần tiền thù lao còn lại được hưởng đề nghị ĐHĐCĐ thông qua làm cơ sở để thanh quyết toán cho thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách. Trường hợp tiền thù lao tạm ứng vượt quỹ thù lao thực tế được hưởng thì thành viên HĐQT, BKS phải hoàn lại số tiền đã tạm ứng vượt so với số tiền được hưởng cho Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực – VVMI.

6. Thông qua kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2025

- Thông qua kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2025 với tổng số lao động tuyển dụng là 07 lao động

+ Trong đó 06 lao động công nghệ và 01 lao động quản lý.

7. Thông qua và chấp thuận thực hiện các hợp đồng, giao dịch với người nội bộ, người liên quan. Thời gian thực hiện các hợp đồng, giao dịch kể từ ngày 01/01/2025 đến khi có thay đổi.

7.1 Thông qua chủ trương và giao cho Giám đốc Công ty ký kết, tổ chức thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người liên quan theo đúng quy định của pháp luật kể từ ngày 01/01/2025 đến khi có sự thay đổi.

TT	Tên doanh nghiệp/ người có liên quan	Mối quan hệ	Địa chỉ	Lĩnh vực giao kết
1	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TVK -CTCP	Cổ đông lớn	Số 01 Phan Đình Giót, Phường Phường Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	Hợp đồng cung cấp dịch vụ, hàng hoá
2	Công ty Than Na Dương - VVMI	Người có liên quan của cổ đông	Thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Hợp đồng cung cấp dịch vụ, hàng hoá và sửa chữa TĐT thiết bị
3	Công ty Than Khánh Hoà - VVMI	Người có liên quan của cổ đông	Xã Sơn Cẩm, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Hợp đồng cung cấp dịch vụ, hàng hoá và sửa chữa TĐT thiết bị
4	Công ty Than Núi Hồng - VVMI	Người có liên quan của cổ đông	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Hợp đồng cung cấp dịch vụ, hàng hoá và sửa chữa TĐT thiết bị
5	Công ty Cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI	Người có liên quan của cổ đông	Xã Trảng Đà, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Hợp đồng cung cấp dịch vụ, hàng hoá
6	Công ty Cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI	Người có liên quan của cổ đông	Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Hợp đồng cung cấp dịch vụ, hàng hoá
7	Công ty Cổ phần xi măng La Hiên - VVMI	Người có liên quan của cổ đông	Xã La hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	Hợp đồng cung cấp dịch vụ, hàng hoá
8	Công ty Cổ phần khách sạn Thái	Cùng Chủ tịch	Số 2 đường Hoàng Văn Thụ,	Hợp đồng cung cấp dịch vụ tham quan, du

	Nguyên - VVMI	HĐQT	TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	lịch
9	Công ty Cổ phần Cơ khí Mỏ Việt Bắc - VVMI	Cùng Chủ tịch HĐQT	Xã Cù Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Hợp đồng cung cấp dịch vụ, hàng hoá
10	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư Thiết bị - VVMI	Người có liên quan của cổ đồng	Tổ 12 - TT Đông Anh - H. Đông Anh – TP. Hà Nội	Hợp đồng cung cấp dịch vụ, hàng hoá
11	Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Kinh doanh tổng hợp- VVMI	Người có liên quan của cổ đồng	Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn	Hợp đồng cung cấp dịch vụ, hàng hoá
12	Trung tâm Điều dưỡng ngành than - VVMI	Người có liên quan của cổ đồng	41 Thanh Niên, P. Bắc Sơn, Sầm Sơn, Thanh Hoá	Hợp đồng cung cấp dịch vụ thăm quan, du lịch, phục hồi chức năng
13	Các công ty con đơn vị trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	Người có liên quan của cổ đông lớn	3 Dương Đình Nghệ - Yên Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội	Hợp đồng cung cấp dịch vụ hàng hoá và sửa chữa TĐT thiết bị
13.1	Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – TKV		Nguyễn Văn Cừ, Quang Trung, Uông Bí, Quảng Ninh	Hợp đồng cung cấp dịch vụ hàng hoá và sửa chữa TĐT thiết bị
13.2	Công Ty Than Mạo Khê - TKV		Khu Dân Chủ, phường, Đông Triều, Quảng Ninh	Hợp đồng cung cấp dịch vụ hàng hoá và sửa chữa TĐT thiết bị
13.3	Công ty Than Uông Bí - TKV		Khu 3, Tổ 17, Tp. Uông Bí, Quảng Ninh	Hợp đồng cung cấp dịch vụ hàng hoá
13.4	Công ty Than Dương Huy - TKV		Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh	Hợp đồng cung cấp dịch vụ hàng hoá và sửa chữa TĐT thiết bị

13.5	Công ty Xây lắp mỏ - TKV		Khu tập thể Công nhân Dốc Đỏ, Uông Bí, Quảng Ninh	Hợp đồng cung cấp dịch vụ hàng hoá
13.6	Công ty Than Hà Lâm		1 Tân Lập, Hà Lâm, Hạ Long, Quảng Ninh	Hợp đồng cung cấp dịch vụ hàng hoá
13.7	Công ty Than Nam Mẫu - TKV		1A Trần Phú, Quang Trung, Uông Bí, Quảng Ninh	Hợp đồng cung cấp dịch vụ hàng hoá
13.8	Công ty Than Thống Nhất – TKV		1 Lê Thanh Nghị, Cẩm Đông, Cẩm Phả, Quảng Ninh	Hợp đồng cung cấp dịch vụ hàng hoá
13.9	Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV		Cửa Ông, Cẩm Phả, Quảng Ninh	Hợp đồng cung cấp dịch vụ hàng hoá và sửa chữa TĐT thiết bị
13.10	Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin		Khu Tân Lập 2 - Phường Phương Đông - Thành Phố Uông Bí - Quảng Ninh	Hợp đồng cung cấp dịch vụ hàng hoá và sửa chữa TĐT thiết bị
13.11	Công ty CP Than Núi Béo-Vinacomin		Lê Thánh Tông - Thành Phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh	Hợp đồng cung cấp dịch vụ hàng hoá
13.12	Trường cao Đẳng Than -KSVN		Số 8 – Chu Văn An – Phường Hồng Hải – Thành Phố Hạ Long – Tỉnh Quảng Ninh	Hợp đồng cung cấp dịch vụ hàng hoá

7.2. Chấp thuận và thông qua chủ trương và giao cho Giám đốc Công ty ký kết, tổ chức thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người liên quan có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài

chính đã được kiểm toán gần nhất theo điều 167 Luật doanh nghiệp gồm các công ty có tên sau kể từ ngày 01/01/2025 đến khi có thay đổi

STT	Tên doanh nghiệp/ người có liên quan	Mối quan hệ	Địa chỉ liên hệ	Lĩnh vực giao kết	Giá trị các hợp đồng (dự kiến)
1	Công ty Than Hòn Gai - TKV	Có liên quan với cổ đông lớn	169 Lê Thánh Tông, Hạ Long, Quảng Ninh	Hợp đồng cung cấp dịch vụ, hàng hoá và sửa chữa TĐT thiết bị	185 tỷ đồng
2	Công ty Than Quang Hanh - TKV	Có liên quan với cổ đông lớn	302 Trần Phú, Cẩm Phả, Quảng Ninh	Hợp đồng cung cấp dịch vụ, hàng hoá và sửa chữa TĐT thiết bị	50 tỷ đồng
3	Công ty Than Khe Chàm - TKV	Có liên quan với cổ đông lớn	Mông Dương, Cẩm Phả, Quảng Ninh	Hợp đồng cung cấp dịch vụ, hàng hoá và sửa chữa TĐT thiết bị	360 tỷ đồng
4	Tổng Công ty Đông Bắc		Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh	Hợp đồng cung cấp dịch vụ, hàng hoá và sửa chữa TĐT thiết bị	65 tỷ đồng

8. Thông qua bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025-2030:

8.1 Kết quả trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ PHIẾU BẦU
1	Ông Trần Đình Diên	1 389 646
2	Ông Nguyễn Thạc Tân	1 358 466
3	Ông Nguyễn Mạnh Tú	1 196 616
4	Ông Phạm Công Lộc	740 666
5	Ông Nguyễn Hữu Toàn	376 646

8.2 Kết quả bầu cử thành viên Ban kiểm soát

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ PHIẾU BẦU
1	Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	1 228 396
2	Bà Vũ Diệp Anh	1 185 534
3	Ông Phạm Văn Huyền	664 852

8.3 Kết quả bầu chức danh Chủ tịch HĐQT công ty nhiệm kỳ 2025-2030:

- Ông Nguyễn Thạc Tân- Thành viên HĐQT được bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ 2025-2030.

8.4 Kết quả bầu chức danh Trưởng ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2025-2030:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thành viên BKS được bầu giữ chức Trưởng Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2025-2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm để điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh trong cả nhiệm kỳ đạt hiệu quả cao nhất.

2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Đại hội đồng cổ đông nhất trí giao cho Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty triển khai thực hiện nội dung nghị quyết này theo đúng quy định của Điều lệ công ty và tuân thủ các quy định, quy chế và pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Nơi nhận:

- B/c UB chứng khoán Nhà nước;
- B/c Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- HĐQT, BKS, bộ máy điều hành công ty;
- Báo cáo Tổng công ty CNM Việt Bắc;
- Các cổ đông công ty;
- Website công ty
- Lưu HĐQT, HSDH.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Nguyễn Thạc Tân